

Số: **313** /BNV-CCHC

Hà Nội, ngày **21** tháng 01 năm 2019

V/v hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm  
để xác định Chỉ số CCHC cấp bộ

Kính gửi: Các bộ, cơ quan ngang bộ

Thực hiện Quyết định số 2636/QĐ-BNV ngày 10/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” (gọi tắt là Quyết định số 2636/QĐ-BNV), Bộ Nội vụ hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ (gọi tắt là bộ) về việc tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính (gọi tắt là Chỉ số CCHC) cấp bộ hàng năm như sau:

**1. Về tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí (TC), tiêu chí thành phần (TCTP)**

- Căn cứ vào kết quả cải cách hành chính thực tế đạt được, các bộ tiến hành tự đánh giá, chấm điểm cho từng TC, TCTP trên cơ sở xem xét, đối chiếu với các tiêu chuẩn hoặc yêu cầu và cách chấm điểm tương ứng với từng TC, TCTP nêu tại Phụ lục 1 (gửi kèm theo).

- Khi các tiêu chuẩn đánh giá quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại Phụ lục 1 được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng một văn bản khác thì được áp dụng theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

- Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm TC, TCTP Chỉ số CCHC của bộ phải do lãnh đạo bộ phê duyệt, gồm các nội dung sau:

+ Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm TC, TCTP Chỉ số cải cách hành chính của bộ theo mẫu tại Phụ lục 2;

+ Giải trình các nội dung tự đánh giá, chấm điểm đối với các TC, TCTP không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng không có đầy đủ thông tin kiểm chứng theo yêu cầu;

+ Những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

**2. Về nhập dữ liệu kết quả tự đánh giá, chấm điểm vào phần mềm**

Trên cơ sở báo cáo đã phê duyệt, các bộ tiến hành nhập dữ liệu kết quả tự đánh giá, chấm điểm và các tài liệu kiểm chứng, nội dung giải trình vào phần mềm quản lý chấm điểm Chỉ số CCHC (gọi tắt là phần mềm) theo các bước sau:



- Bước 1: Đăng nhập phần mềm

Các bộ đăng nhập vào phần mềm quản lý chấm điểm Chỉ số CCHC tại địa chỉ [www.parindex.caicachhanhchinh.gov.vn](http://www.parindex.caicachhanhchinh.gov.vn) theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Bước 2: Nhập dữ liệu kết quả

Các bộ tiến hành nhập dữ liệu kết quả tự đánh giá, chấm điểm và đính kèm file tài liệu kiểm chứng hoặc giải trình kết quả tự đánh giá, chấm điểm tương ứng với từng TC, TCTP.

- Bước 3: Rà soát kết quả

Sau khi hoàn tất việc nhập kết quả tự đánh giá, chấm điểm, các bộ rà soát lại, bảo đảm tài liệu kiểm chứng và thông tin giải trình đối với từng TC, TCTP phải trùng khớp với nội dung tại báo cáo đã phê duyệt.

- Bước 4: Gửi kết quả

Sau khi hoàn tất các bước trên, các bộ gửi kết quả tự đánh giá, chấm điểm tới Bộ Nội vụ qua phần mềm bằng việc nhấp chuột vào mục “gửi đi” được hiển thị trên phần mềm.

### **3. Về tài liệu kiểm chứng**

- Việc tự đánh giá, chấm điểm của bộ phải kèm theo các tài liệu kiểm chứng (như: báo cáo, kế hoạch, thông báo, quyết định...) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để xác định mức độ tin cậy của việc tự đánh giá, chấm điểm cho từng TC, TCTP.

- Ngoài việc cung cấp các tài liệu kiểm chứng được liệt kê tại Phụ lục 1, các bộ có thể bổ sung các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có) đủ độ tin cậy để chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm các TC, TCTP.

- Đối với các TC, TCTP không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng không có đầy đủ thông tin kiểm chứng theo yêu cầu, các bộ giải trình rõ về cách đánh giá, tính điểm tại Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC của bộ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin giải trình.

- Các file điện tử của tài liệu kiểm chứng đính kèm trên phần mềm phải là bản chụp của văn bản giấy dưới dạng ảnh (định dạng pdf) hoặc văn bản điện tử có chữ ký số theo quy định.

### **4. Thời gian thực hiện đánh giá**

Thời gian để các bộ tiến hành tự đánh giá, chấm điểm; phê duyệt báo cáo; nhập dữ liệu kết quả vào phần mềm được thực hiện theo tiến độ đề ra tại Kế hoạch xác định Chỉ số CCHC hàng năm do Bộ Nội vụ ban hành. Sau thời hạn

quy định, phần mềm sẽ tự động khóa.

Trên đây là hướng dẫn của Bộ Nội vụ về công tác tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các bộ. Đề nghị các bộ quan tâm bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ xác định Chỉ số CCHC thuộc phạm vi trách nhiệm của mình. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các bộ phản ánh về Bộ Nội vụ để kịp thời giải quyết. Địa chỉ liên hệ: Ông Nguyễn Mạnh Cường, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ; điện thoại: 091.252.1464; email: [nguyenmanhcuong@moha.gov.vn](mailto:nguyenmanhcuong@moha.gov.vn)./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Trọng Thừa;
- Các bộ, cơ quan: Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Các Vụ: Công chức, viên chức, Tổ chức - Biên chế, Chính quyền địa phương, Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (để thực hiện);
- Lưu: VT, CCHC.



**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Trọng Thừa**





10/10/2023  
10/10/2023



**Phụ lục 1**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP BỘ**  
(Kèm theo Công văn số **313** BNV-CCHC ngày **21/01/2019** của Bộ Nội vụ)

STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
1.	TCTP 1.1.1 - Ban hành kế hoạch CCHC	- Yêu cầu: + Nội dung kế hoạch: Phải xác định đầy đủ 6 nội dung CCHC theo quy định của Chính phủ; kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ trong Kế hoạch phải cụ thể, rõ trách nhiệm triển khai, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm; + Thời gian ban hành: Trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch. - Nếu kế hoạch CCHC đáp ứng đầy đủ yêu cầu về nội dung và thời gian ban hành nêu trên thì điểm đánh giá là 0.5; không đáp ứng một trong các yêu cầu trên thì điểm đánh giá là 0.	Kế hoạch CCHC năm
2.	TCTP 1.1.2 - Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%} \right]$ . Ví dụ: Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch là 85% thì điểm đánh giá là $[85 \times 1.00] / 100 = 0.85$ điểm. - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
3.	TC 1.2 - Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ	- Yêu cầu: Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định Chính phủ, văn bản hướng dẫn của từng bộ phận trách nhiệm báo cáo. - Thời gian gửi báo cáo: + Báo cáo định kỳ về CCHC, gửi đến Bộ Nội vụ (báo cáo quý I, trước ngày 15/3; 6 tháng đầu năm, trước ngày 15/6; quý III, trước ngày 15/9; năm, trước ngày 10/12)	Các báo cáo định kỳ theo từng lĩnh vực CCHC được các bộ, cơ quan quy định



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>+ Báo cáo năm về kiểm tra, rà soát VBQPPL, gửi đến Bộ Tư pháp trước ngày 28/02 của năm sau liền kề năm đánh giá.</p> <p>+ Báo cáo năm về tình hình theo dõi thi hành pháp luật, gửi đến Bộ Tư pháp trước ngày 15/10. Riêng đối với Bộ Tư pháp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15/11.</p> <p>+ Báo cáo năm về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, gửi đến Bộ Nội vụ trước ngày 31/01.</p> <p>+ Báo cáo định kỳ về kết quả ứng dụng CNTT, gửi đến Bộ Thông tin và Truyền thông (báo cáo quý I, trước ngày 10/3; quý II, trước ngày 05/6; quý III, trước ngày 05/9; năm, trước ngày 05/12).</p> <p>- Nếu tất cả các loại báo cáo thực hiện đúng quy định về số lượng, nội dung và thời gian gửi như quy định thì điểm đánh giá là 1.75 điểm, cụ thể như sau:</p> <p>+ Báo cáo CCHC định kỳ đạt 0.5 điểm;</p> <p>+ Báo cáo năm về kiểm tra, rà soát VBQPPL đạt 0.25 điểm;</p> <p>+ Báo cáo năm về theo dõi thi hành pháp luật đạt 0.25 điểm;</p> <p>+ Báo cáo năm về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức đạt 0.25 điểm;</p> <p>+ Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT định kỳ đạt 0.5 điểm.</p> <p>- Nếu loại báo cáo nào không đáp ứng đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời gian thì điểm đánh giá là 0 điểm tương ứng với thang điểm của loại báo cáo đó.</p>	
4.	TCTP 1.3.1 - Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc bộ (Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương) được kiểm tra trong năm	<p>Tính tỷ lệ % số cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC trong năm so với tổng số cơ quan, đơn vị thuộc bộ được nêu trong Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>- Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>- Từ 20% - dưới 30% thì điểm đánh giá là 0.5;</p> <p>- Dưới 20% thì điểm đánh giá là 0.</p>	Các thông báo kết luận kiểm tra
5.	TCTP 1.3.2 - Xử lý các	Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc	- Các thông báo kết luận



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	vấn đề phát hiện qua kiểm tra	kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm...). Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 70% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[ \frac{(\text{Tỷ lệ \% số vấn đề đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý}) \times 1.50}{100\%} \right]$ . Ví dụ: Tỷ lệ % số vấn đề đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đạt 75% thì điểm đánh giá là: $[75\% \times 1.50] / 100\% = 1.125$ điểm. - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.	kiểm tra; - Các văn bản thể hiện nội dung đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra.
6.	TCTP 1.4.1 - Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	- Yêu cầu: + Kế hoạch tuyên truyền CCHC có thể được ban hành riêng hoặc lồng ghép với kế hoạch CCHC năm. + Từng nhiệm vụ trong kế hoạch phải cụ thể, xác định rõ kết quả hoặc sản phẩm đầu ra, rõ trách nhiệm triển khai, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm. - Tính tỷ lệ % giữa số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: + 100% thì điểm đánh giá là 1; + Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.5; + Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.	- Kế hoạch tuyên truyền CCHC; - Các báo cáo CCHC định kỳ; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
7.	TCTP 1.4.2 - Thực hiện các hình thức tuyên truyền CCHC	- Nếu tuyên truyền CCHC bằng ít nhất một trong ba hình thức sau: (1) Tổ chức các hội nghị, tập huấn chuyên đề CCHC; (2) Đăng tải thông tin CCHC trên website của bộ; (3) Tuyên truyền CCHC trên phát thanh, truyền hình, thì điểm đánh giá là 0.25; - Ngoài các hình thức trên, nếu tuyên truyền CCHC bằng ít nhất một trong số các hình thức khác, như: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC; tọa đàm về CCHC; sân khấu hóa hoặc các hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo khác, thì điểm đánh giá được CỘNG THÊM là 0.5.	- Các báo cáo CCHC định kỳ; - Cung cấp các đường link tới tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về CCHC trên website; - Tài liệu kiểm chứng khác





STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (nếu có).
8.	TC 1.5 - Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các sáng kiến hoặc giải pháp, cách làm mới trong CCHC phải đáp ứng yêu cầu sau:</li> <li>+ Lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC trong NỘI BỘ của bộ;</li> <li>+ Đã hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của bộ.</li> <li>- Nếu có sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 1; không có sáng kiến thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các văn bản phê duyệt triển khai các giải pháp mới trong thực hiện các nội dung CCHC;</li> <li>- Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).</li> </ul>
9.	TC 2.1 - Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) trong năm theo chương trình xây dựng pháp luật đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu thống kê:</li> <li>+ Tổng số VBQPPL dự kiến ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành trong năm, gồm có: Các luật, pháp lệnh, nghị định, các Thông tư dự kiến ban hành). Đối với các văn bản do bộ tham mưu ban hành, thời gian hoàn thành được tính từ thời điểm trình cấp có thẩm quyền ban hành.</li> <li>+ Số VBQPPL đã được ban hành hoặc đã được trình cấp có thẩm quyền trong năm.</li> <li>- Tính tỷ lệ % giữa số VBQPPL đã được ban hành theo thẩm quyền hoặc đã trình cấp có thẩm quyền ban hành so với số VBQPPL dự kiến ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt:</li> <li>+ 100% thì điểm đánh giá là 2;</li> <li>+ Từ 90% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>+ Dưới 90% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình xây dựng VBQPPL của bộ trong năm;</li> <li>- Báo cáo kết quả xây dựng VBQPPL của bộ;</li> <li>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).</li> </ul>
10.	TCTP 2.2.1 - Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu thực hiện đầy đủ 03 hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành thì điểm đánh giá là 1, cụ thể như sau:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của bộ;</li> </ul>



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	luật (TDTHPL)	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có thực hiện thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật thì được 0.25 điểm;</li> <li>+ Có thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thì được CỘNG THÊM 0.25 điểm;</li> <li>+ Có thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật thì được CỘNG THÊM 0.50 điểm.</li> <li>- Nếu hoạt động nào trong 03 hoạt động nêu trên không được thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm tương ứng với hoạt động đó.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tư pháp (do Bộ Tư pháp cung cấp).</li> </ul>
11.	TCTP 2.2.2 - Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, các bộ xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.</li> <li>- Nếu ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 0.5; không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của bộ;</li> <li>- Các văn bản xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tư pháp (do Bộ Tư pháp cung cấp).</li> </ul>
12.	TC 2.3 - Xử lý VBQPPL sau rà soát	<p>Tính tỷ lệ % giữa số VBQPPL đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý so với tổng số VBQPPL phải được xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau khi rà soát. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 70% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức <math display="block">\left[ \frac{(\text{Tỷ lệ \% số VB đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý}) \times 1.50}{100\%} \right]</math></li> <li>- Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPL của bộ;</li> <li>- Các văn bản xử lý VBQPPL sau rà soát;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tư pháp (do Bộ Tư pháp cung cấp).</li> <li>- Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)</li> </ul>
13.	TCTP 2.4.1 - Thực hiện kiểm tra văn bản	<p>Tính tỷ lệ % giữa số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền so với tổng số văn bản thuộc thẩm quyền kiểm tra của bộ. Nếu tỷ lệ này đạt:</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPL của bộ;</li> </ul>



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	theo thẩm quyền	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 80% trở lên thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Từ 60% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>- Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tư pháp (do Bộ Tư pháp cung cấp).</li> <li>- Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)</li> </ul>
14.	TCTP 2.4.2 - Xử lý văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra	<p>Tính tỷ lệ % giữa số văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra theo thẩm quyền (không tính tự kiểm tra). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 70% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức <math display="block">\left[ \frac{(\text{Tỷ lệ \% số VB đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý}) \times 1.50}{100\%} \right]</math></li> <li>- Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPL của bộ;</li> <li>- Danh mục các văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra; kèm theo số, ký hiệu của văn bản xử lý những sai phạm tương ứng với từng trường hợp (<i>chỉ cần lập file word và cập nhật lên phần mềm chấm điểm</i>).</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tư pháp (do Bộ Tư pháp cung cấp).</li> <li>- Các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)</li> </ul>
15.	TCTP 2.5.1 - Mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra	<p>Tính tỷ lệ % giữa số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>- Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch thanh tra;</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra</li> </ul>
16.	TCTP 2.5.2 - Theo dõi,	- Yêu cầu thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo dõi, đôn đốc và kiểm tra	- Các quyết định kiểm tra



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra	việc thực hiện kết luận thanh tra theo quy định tại Điều 22, 23, 24 Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; nếu không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	việc thực hiện Kết luận thanh tra của bộ; - Báo cáo kết quả kiểm tra.
17.	TC 2.6 - Trả lời kiến nghị của cá nhân, tổ chức để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến thể chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý của bộ	Thống kê <b>tổng số kiến nghị đã tiếp nhận trong năm</b> của các cá nhân, tổ chức về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện thể chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý của bộ. Thống kê số kiến nghị đã được bộ trả lời cá nhân, tổ chức. Nếu 100% số kiến nghị của cá nhân, tổ chức trong năm đã được bộ trả lời thì điểm đánh giá là 1; nếu dưới 100% kiến nghị được bộ trả lời thì điểm đánh giá là 0	Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, kiểm tra của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ
18.	TCTP 3.1.1 - Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	Nếu trong năm bộ không ban hành các quy định TTHC ( <i>nội dung TTHC, thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai, điều kiện thực hiện TTHC...</i> ) trái với thẩm quyền được giao thì điểm đánh giá là 1; nếu có ban hành các quy định TTHC trái thẩm quyền được giao thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của bộ - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ (do Văn phòng Chính phủ cung cấp).
19.	TCTP 3.2.2 - Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	Tính tỷ lệ % giữa số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 0.5; - Dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của bộ - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ (do Văn phòng Chính phủ cung cấp).
20.	TCTP 3.1.3 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua rà soát. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[ \frac{(\text{Tỷ lệ \% số vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý}) \times 1.50}{100\%} \right]$ ; - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của bộ - Các văn bản xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			(do Văn phòng Chính phủ cung cấp).
21.	TCTP 3.2.1 - Công bố TTHC theo quy định của Chính phủ	<p>- Yêu cầu:</p> <p>+ Các quyết định công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ phải được ban hành chậm nhất trước 20 (hai mươi) ngày làm việc tính đến ngày VBQPPL có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành. Trường hợp VBQPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành thì quyết định công bố TTHC phải được ban hành chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành VBQPPL có quy định về TTHC.</p> <p>+ Công bố TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông theo quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP và Điều 4, Thông tư 01/2018/TT-VPCP.</p> <p>- Nếu 100% số TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc mới ban hành trong năm được công bố kịp thời VÀ đã công bố TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông theo quy định thì điểm đánh giá là 1 (Trường hợp đã rà soát nhưng không có nhóm TTHC liên thông phải công bố, đề nghị có giải trình cụ thể);</p> <p>- Nếu dưới 100% số TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc mới ban hành trong năm được công bố kịp thời HOẶC chưa công bố TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông theo quy định thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của bộ.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ (do Văn phòng Chính phủ cung cấp).</p>
22.	TCTP 3.2.2 - Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố	<p>- Yêu cầu: TTHC phải được nhập, đăng tải công khai vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố hoặc chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố đối với các TTHC quy định trong VBQPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành.</p>	<p>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của bộ.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ (do Văn phòng Chính phủ cung cấp).</p>



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu 100% TTHC được nhập, đăng tải công khai kịp thời vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC thì điểm đánh giá là 1; nếu dưới 100% TTHC được nhập, đăng tải công khai kịp thời thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>cung cấp).</li> </ul>
23.	TCTP 3.2.3 - Công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu đối với việc công khai TTHC là: Đầy đủ thông tin (các bộ phận cấu thành TTHC); đúng quy định (thường xuyên, rõ ràng, đúng địa chỉ, dễ tiếp cận, dễ khai thác, dễ sử dụng).</li> <li>- Yêu cầu đối với công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC là: Đầy đủ.</li> <li>- Nếu đáp ứng tất cả các yêu cầu về công khai TTHC, công khai kết quả giải quyết hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 1, cụ thể cho từng nội dung công khai như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tất cả TTHC được niêm yết công khai đầy đủ, đúng quy định tại trụ sở các cơ quan, đơn vị thuộc bộ trực tiếp tiếp nhận và giải quyết thì được 0.25 điểm;</li> <li>+ Tất cả TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng TTĐT của bộ thì được CỘNG THÊM 0.25 điểm;</li> <li>+ Tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC được công khai đầy đủ trên Cổng TTĐT hoặc Công dịch vụ công của bộ thì được CỘNG THÊM 0.5 điểm.</li> </ul> </li> <li>- Nếu nội dung nào trong 03 nội dung trên không đáp ứng được yêu cầu về công khai theo hướng dẫn trên thì điểm đánh giá là 0 điểm tương ứng với thang điểm của nội dung đó.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của bộ hoặc Báo cáo CCHC năm của bộ.</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ (do Văn phòng Chính phủ cung cấp).</li> </ul>
24.	TCTP 3.3.1 - Tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn so với tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 95 % - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức <math>\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} \times 2.00}{100\%} \right]</math>;</li> <li>- Dưới 95% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của bộ hoặc Báo cáo CCHC năm của bộ.</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ (do Văn phòng Chính phủ</li> </ul>



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			cung cấp).
25.	TCTP 3.3.2 - Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	<p>Thông kê tổng số hồ sơ TTHC giải quyết trễ hẹn. Trong đó, thông kê số hồ sơ trễ hẹn đã được thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu thực hiện việc xin lỗi đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Nếu thực hiện việc xin lỗi không đầy đủ hoặc không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul> <p>Trường hợp không có hồ sơ TTHC giải quyết trễ hẹn trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0.5 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, đánh giá của Văn phòng Chính phủ</li> <li>- Những trường hợp để xảy ra trễ hẹn nhưng lỗi không phải do cơ quan nhà nước thì phải có giải trình cụ thể từng trường hợp.</li> </ul>
26.	TCTP 3.4.1 - Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Tổ chức thực hiện đầy đủ các hình thức, quy trình tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức về TTHC theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc hướng dẫn thi hành của các văn bản nêu trên.</li> <li>- Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.25; nếu không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của bộ hoặc Báo cáo CCHC năm của bộ.</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ (do Văn phòng Chính phủ cung cấp).</li> </ul>
27.	TCTP 3.4.2 - Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Thông kê đầy đủ tất cả PAKN trong năm về TTHC do bộ tiếp nhận trực tiếp và các PAKN do Văn phòng Chính phủ tiếp nhận, yêu cầu bộ giải quyết.</li> <li>- Tính tỷ lệ % giữa số PAKN đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số PAKN đã tiếp nhận trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 100% thì điểm đánh giá là 0.75;</li> <li>+ Từ 90% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>+ Dưới 90% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul> </li> </ul> <p>Trường hợp trong năm đánh giá không có kiến nghị của cá nhân, tổ chức</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của bộ hoặc Báo cáo CCHC năm của bộ.</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ (do Văn phòng Chính phủ cung cấp).</li> </ul>



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		đôi với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ thì điểm đánh giá là 0.75	
28.	TCTP 4.1.1 - Sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các đơn vị thuộc bộ	<p>- Yêu cầu: Trong thời hạn chậm nhất là 06 tháng kể từ ngày Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ có hiệu lực thi hành, các bộ phải hoàn thành việc rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ.</p> <p>- Nếu 100 % số cơ quan, đơn vị thuộc bộ được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Báo cáo CCHC năm của bộ hoặc báo cáo chuyên đề đánh giá về công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của bộ;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ (do Bộ Nội vụ cung cấp).</p>
29.	TCTP 4.1.2 - Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các đơn vị thuộc bộ	<p>- Yêu cầu:</p> <p>+ Đối với các vụ, cục, tổng cục và tương đương: Số lượng cấp phó của người đứng đầu các vụ, cục và tương đương không quá 03 người; số lượng cấp phó của người đứng đầu tổng cục không quá 04 người.</p> <p>+ Đối với các tổ chức bên trong cục, tổng cục và tương đương: Hiện nay chưa có quy định pháp lý về cơ cấu số lượng lãnh đạo, quản lý tại các tổ chức này. Vì vậy, Bộ Nội vụ đưa ra yêu cầu về tính hợp lý giữa số lượng lãnh đạo, quản lý và số lượng công chức không giữ vị trí lãnh đạo, quản lý tại các tổ chức này để làm căn cứ đánh giá, cho điểm, cụ thể là: Số lượng lãnh đạo, quản lý của các tổ chức nêu trên phải ít hơn số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Khi có quy định cụ thể của pháp luật về số lượng lãnh đạo, quản lý đối với các tổ chức bên trong vụ, cục, tổng cục và tương đương, sẽ lấy đó làm căn cứ để đánh giá, chấm điểm điểm nội dung này.</p> <p>- Nếu 100% vụ, cục, tổng cục và tương đương có số lượng cấp phó đáp ứng yêu cầu nêu trên thì điểm đánh giá là 0.5;</p> <p>- Nếu 100% các tổ chức bên trong vụ, cục, tổng cục và tương đương có số lượng lãnh đạo ít hơn số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo tại các tổ chức này thì điểm đánh giá được CỘNG THÊM 1 điểm.</p>	<p>- Báo cáo CCHC năm của bộ hoặc báo cáo thống kê về số lượng cấp phó của người đứng đầu tại các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi đánh giá;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ (do Bộ Nội vụ cung cấp).</p>





STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
30.	TCTP 4.2.1 - Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	Nếu số lượng biên chế hành chính của bộ đang sử dụng không vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao thì điểm đánh giá là 0.5; nếu sử dụng vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm của bộ hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ (do Bộ Nội vụ cung cấp).
31.	TCTP 4.2.2 - Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thuộc bộ	- Yêu cầu: Thống kê tổng số người làm việc thực tế (đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước) tại các đơn vị SNCL thuộc bộ so với tổng số người làm việc tại các đơn vị SNCL thuộc bộ được cấp có thẩm quyền giao theo quy định. Nếu số lượng người làm việc thực tế tại các đơn vị SNCL thuộc bộ không vượt quá tổng số lượng người làm việc được giao thì điểm đánh giá là 0.5; nếu sử dụng vượt quá so với tổng số người làm việc được giao thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo CCHC năm của bộ hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ (do Bộ Nội vụ cung cấp).
32.	TCTP 4.2.3 - Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015	Thống kê tổng số biên chế hành chính được giao của năm 2015. Thống kê tổng số biên chế hành chính thực tế của năm đánh giá. Tính tỷ lệ % giảm số lượng biên chế hành chính thực tế của năm đánh giá so với số lượng biên chế hành chính được giao của năm 2015. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 10% trở lên thì điểm đánh giá là 1.5; - Dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% giảm biên chế} \times 1.50}{10\%} \right]$ . <b>Ví dụ:</b> Bộ A năm 2015 có tổng biên chế là 710 người, năm 2018 là 650 người, giảm 60 người (710 - 650). Như vậy, tính đến năm 2018, tỷ lệ giảm biên chế của Bộ A so với năm 2015 là: $(60/710) \times 100\% = 8.45\% < 10\%$ Sau khi xác định được tỷ lệ giảm biên chế, đối chiếu với thang điểm đánh giá thì điểm đạt được của Bộ A đối với TCTP này trong năm 2018 là:	- Báo cáo CCHC năm của bộ hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ (do Bộ Nội vụ cung cấp).



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		$\left[ \frac{8.45\% \times 1.50}{10\%} \right] = 1.2675 \text{ điểm.}$	
33.	TCTP 4.3.1 - Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ đã phân cấp cho địa phương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm đối với các nội dung thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ đã được Chính phủ phân cấp cho địa phương.</li> <li>- Nếu có thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 0.5; không thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm của bộ hoặc báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ (do Bộ Nội vụ cung cấp).</li> </ul>
34.	TCTP 4.3.2 - Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	<p>Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm...). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thông báo kết luận kiểm tra;</li> <li>- Các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện qua kiểm tra.</li> </ul>
35.	TCTP 5.1.1 - Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của bộ bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Các cơ quan, tổ chức hành chính của bộ phải bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí.</li> </ul> <p>Cơ quan, tổ chức nào chưa hoàn thành việc phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm thì coi như chưa thực hiện đúng quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính tỷ lệ % số cơ quan, tổ chức thực hiện đúng quy định trên so với tổng số cơ quan, tổ chức hành chính của bộ. Nếu tỷ lệ này đạt:</li> <li>+ 100% thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>+ Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>+ Từ 60% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>+ Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm của bộ;</li> <li>- Gửi đại diện Bản mô tả công việc, Khung năng lực của ít nhất 05 vị trí việc làm khác nhau (Bộ Nội vụ có thể yêu cầu gửi thêm khi cần thiết);</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ (do Bộ Nội vụ cung cấp).</li> </ul>
36.	TCTP 5.1.2 - Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc bộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ phải thực hiện đúng các quy định sau:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm của bộ;</li> </ul>



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phê duyệt theo thẩm quyền hoặc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục vị trí việc làm;</li> <li>+ Hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt;</li> <li>+ Bố trí viên chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí.</li> <li>- Tính tỷ lệ % số đơn vị thực hiện đúng các quy định trên so với tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ. Nếu tỷ lệ này đạt: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 100% thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>+ Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>+ Từ 60% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>+ Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi đại diện Bản mô tả công việc, Khung năng lực của ít nhất 05 vị trí việc làm khác nhau (Bộ Nội vụ có thể yêu cầu gửi thêm khi cần thiết);</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ (do Bộ Nội vụ cung cấp).</li> </ul>
37.	TCTP 5.2.1 - Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại các cơ quan, đơn vị thuộc bộ ( <i>Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương</i> )	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Việc tuyển dụng công chức tại các cơ quan, đơn vị thuộc bộ (Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương) phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành;</li> <li>- Nếu 100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; dưới 100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> <li>- Trường hợp trong năm không tuyển dụng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất.</li> <li>+ Nếu kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>+ Nếu kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất có sai phạm thì điểm đánh giá cho năm đầu tiên là 0; từ những năm đánh giá sau, nếu 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0.5, dưới 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thông báo tuyển dụng, người đủ điều kiện dự tuyển;</li> <li>- Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng, quyết định tuyển dụng...).</li> </ul>
38.	TCTP 5.2.2 - Thực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Việc tuyển dụng viên chức phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thông báo tuyển dụng,</li> </ul>



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ	<p>và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu 100% số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; dưới 100% số đơn vị thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> <li>- Trường hợp trong năm không tuyển dụng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất.</li> <li>+ Nếu kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>+ Nếu kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất có sai phạm thì điểm đánh giá cho năm đầu tiên là 0; từ những năm đánh giá sau, nếu 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0.5, dưới 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<p>người đủ điều kiện dự tuyển;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng, quyết định tuyển dụng...).</li> </ul>
39.	TCTP 5.3.1 - Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Việc tổ chức thi nâng ngạch công chức theo thẩm quyền của bộ (hoặc được ủy quyền) phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.</li> <li>- Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> <li>- Trường hợp trong năm không tổ chức thi thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ thi gần nhất.</li> <li>+ Nếu kết quả của kỳ thi gần nhất đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>+ Nếu kết quả của kỳ thi gần nhất có sai phạm thì điểm đánh giá cho năm đầu tiên là 0; từ những năm đánh giá sau, nếu 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0.5, dưới 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thông báo thi nâng ngạch, người đủ điều kiện dự thi;</li> <li>- Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ thi (thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả thi, quyết định bổ nhiệm ngạch...).</li> </ul>
40.	TCTP 5.3.2 - Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Việc tổ chức thi/xét thăng hạng viên chức theo thẩm quyền phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.</li> <li>- Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; không thực hiện</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thông báo thi/xét thăng hạng, người đủ điều kiện dự thi/xét;</li> <li>- Các văn bản liên quan đến</li> </ul>



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp trong năm không tổ chức thi/xét thăng hạng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ thi/xét thăng hạng gần nhất.</li> <li>+ Nếu kết quả của kỳ thi/xét thăng hạng gần nhất đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>+ Nếu kết quả của kỳ thi/xét thăng hạng gần nhất có sai phạm thì điểm đánh giá cho năm đầu tiên là 0; từ những năm đánh giá sau, nếu 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0.5, dưới 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<p>tổ chức kỳ thi/xét thăng hạng (thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả thi, quyết định bổ nhiệm ngạch...).</p>
41.	TC 5.4 - Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các đơn vị thuộc bộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Việc bổ nhiệm phải tuân thủ đúng quy trình, tiêu chuẩn bằng cấp và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.</li> <li>- Thống kê danh sách số lãnh đạo cấp vụ, cục, tổng cục và tương đương được bổ nhiệm trong năm; danh sách lãnh đạo tại các tổ chức bên trong vụ, cục, tổng cục và tương đương được bổ nhiệm trong năm.</li> <li>- Nếu 100% số lãnh đạo cấp vụ, cục, tổng cục và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định thì được 1 điểm; nếu 100% số lãnh đạo tại các tổ chức bên trong vụ, cục, tổng cục và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định thì được CỘNG THÊM 1 điểm.</li> </ul> <p>Trường hợp được bổ nhiệm từ những năm trước nhưng có phát hiện sai phạm trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0 điểm tương ứng với thang điểm đánh giá đó.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các quyết định bổ nhiệm;</li> <li>- Báo cáo đánh giá kết quả việc bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý trong năm;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ (do Bộ Nội vụ cung cấp).</li> </ul>
42.	TCTP 5.5.1 - Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.</li> <li>- Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của bộ;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ (do Bộ Nội vụ cung cấp).</li> </ul>
43.	TCTP 5.5.2 - Chấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Thống kê tổng số cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm của</li> </ul>



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	trong năm, nêu rõ hình thức kỷ luật đối với từng cán bộ, công chức, viên chức. - Nếu trong năm KHÔNG CÓ công chức, viên chức giữ các chức vụ lãnh đạo quản lý bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì được 0.5 điểm. Nếu trong năm KHÔNG CÓ công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên thì được CỘNG THÊM 0.5 điểm.	bộ hoặc báo cáo về tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trong năm; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ (do Bộ Nội vụ cung cấp).
44.	TC 5.6 - Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	Tính tỷ lệ % giữa số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%} \right]$ - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.	Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của bộ.
45.	TC 6.1.1 - Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	- Yêu cầu: Các bộ thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền. - Nếu tỷ lệ thực hiện giải ngân đạt: + Từ 90% trở lên so với kế hoạch được giao thì điểm đánh giá là 1; + Từ 70% - 90% so với kế hoạch được giao thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN} \times 1.00}{90\%} \right]$ + Dưới 70% so với kế hoạch được giao thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm của bộ - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tài chính (do Bộ Tài chính cung cấp).
46.	TCTP 6.1.2 - Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về	Thống kê tổng số kiến nghị được Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước hoặc cơ quan Trung ương có thẩm quyền chỉ ra sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách tại bộ trong 02 năm gần nhất (ví dụ: Đánh giá cho năm 2018 thì thống kê tổng số các kiến nghị được chỉ	- Các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan có thẩm



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	tài chính, ngân sách	ra từ kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước trong các năm 2017, 2018). Thống kê số kiến nghị đã được thực hiện xong. Nếu tỷ lệ % số kiến nghị đã thực hiện xong so với tổng số kiến nghị đạt: - 100% số kiến nghị thì điểm đánh giá là 1; - Từ 80% - dưới 100% số kiến nghị thì điểm đánh giá là 0.5; - Dưới 80% số kiến nghị thì điểm đánh giá là 0.	quyền tại bộ trong 2 năm gần nhất; - Báo cáo thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của bộ. - Kết quả theo dõi, đánh giá của Bộ Tài chính
47.	TCTP 6.1.3 - Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại bộ	- Nếu KHÔNG CÓ SAI PHẠM về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại bộ được các cơ quan có thẩm quyền chỉ ra trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 1; - Nếu CÓ SAI PHẠM về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại bộ được các cơ quan có thẩm quyền chỉ ra trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại bộ. - Kết quả theo dõi, đánh giá của Bộ Tài chính
48.	TCTP 6.2.1 - Ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	Theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các bộ phải ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của bộ trước ngày 31 tháng 7 năm 2018 để tổ chức thực hiện. - Nếu ban hành kịp thời theo quy định thì điểm đánh giá là 0.5; - Nếu đã ban hành nhưng không kịp thời theo quy định thì điểm đánh giá là 0.25; - Nếu chưa ban hành tính đến ngày 31/12/2018 thì điểm đánh giá là 0.	- Văn bản của bộ quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý.
49.	TCTP 6.2.2 - Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của	- Nếu đã ban hành văn bản theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của Chính phủ VÀ thực hiện công khai trên Cổng TTĐT của bộ thì điểm đánh giá là 0.5; - Nếu đã ban hành văn bản theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của Chính phủ NHƯNG chưa thực hiện công khai trên Cổng TTĐT của bộ thì điểm đánh giá là 0.25;	Văn bản của bộ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của Chính phủ.



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	Chính phủ	- Nếu tính đến ngày 31/12/2018 chưa ban hành văn bản theo quy định thì điểm đánh giá là 0.	
50.	TCTP 6.2.3 - Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu đã ban hành văn bản theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ VÀ thực hiện công khai trên Cổng TTĐT của bộ thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Nếu đã ban hành văn bản theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ NHƯNG chưa thực hiện công khai trên Cổng TTĐT của bộ thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>- Nếu tính đến ngày 31/12/2018 chưa ban hành văn bản theo quy định thì điểm đánh giá là 0.</li> <li>- Trường hợp đã ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg, bảo đảm phù hợp với quy định việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg thì phải có <b>văn bản thông báo</b> cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý được biết và gửi Kho bạc nhà nước nơi các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý giao dịch.</li> </ul>	- Văn bản của bộ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ hoặc các văn bản thông báo theo quy định.
51.	TCTP 6.2.4 - Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	<p>Theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ, các bộ tổ chức kiểm tra việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; kiểm tra việc thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu có kiểm tra trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Nếu không kiểm tra trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	Thông báo kết luận kiểm tra
52.	TCTP 6.3.1 - Số đơn vị SNCL tăng mức độ tự chủ kinh phí chi thường xuyên trong năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu trong năm đánh giá, <b>CÓ THÊM</b> từ 02 đơn vị SNCL thuộc bộ trở lên tăng tỷ lệ % tự chủ chi thường xuyên (hoặc tất cả đơn vị SNCL thuộc bộ đã tự chủ 100% chi thường xuyên) thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Nếu trong năm đánh giá, <b>CÓ THÊM</b> 01 đơn vị SNCL thuộc bộ tăng tỷ lệ % tự chủ chi thường xuyên thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Nếu trong năm đánh giá, <b>KHÔNG CÓ THÊM</b> đơn vị SNCL thuộc bộ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp thuộc bộ;</li> <li>- Các văn bản giao tự chủ tài chính;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra</li> </ul>



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>tăng tỷ lệ % tự chủ chi thường xuyên thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>Nếu trong năm 2017, Bộ A có 05 đơn vị SNCL đều tự chủ 40% chi thường xuyên (tính trong tổng kinh phí hoạt động). Năm 2018, trong 05 đơn vị đó, có 01 đơn vị đạt mức tự chủ 100% chi thường xuyên, 01 đơn vị tăng mức độ tự chủ chi thường xuyên lên 50% (tăng 10% so với năm 2017); các đơn vị còn lại giữ nguyên mức độ tự chủ. Như vậy, trong năm 2018, Bộ A đã CÓ THÊM 02 đơn vị SNCL tăng mức độ tự chủ chi thường xuyên. Đối chiếu với thang điểm đánh giá thì Bộ A đạt điểm tối đa ở TCTP này (1 điểm).</p>	<p>của Bộ Tài chính (do Bộ Tài chính cung cấp).</p>
53.	<p>TCTP 6.3.2 - Thực hiện quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các đơn vị SNCL</p>	<p>- Nếu KHÔNG CÓ SAI PHẠM về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên tại các đơn vị SNCL thuộc bộ được các cơ quan có thẩm quyền chỉ ra trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>- Nếu CÓ SAI PHẠM về những nội dung trên, được cơ quan có thẩm quyền chỉ ra trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp thuộc bộ;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tài chính (do Bộ Tài chính cung cấp).</p>
54.	<p>TCTP 6.3.3 - Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015</p>	<p>Xác định tỷ lệ % giảm chi trực tiếp ngân sách nhà nước (chi thường xuyên) cho đơn vị SNCL thuộc bộ trong năm đánh giá so với năm 2015.</p> <p>Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>- Từ 10% trở lên thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>- Dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</p> $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% giảm chi ngân sách} \times 1,00}{10\%} \right]$ <p>Ví dụ:</p> <p>Tổng chi trực tiếp ngân sách nhà nước (chi thường xuyên) cho đơn vị SNCL thuộc Bộ A năm 2015 là 120 tỷ đồng, năm 2018 là 115 tỷ đồng. Như vậy, mức chi trực tiếp ngân sách nhà nước cho đơn vị SNCL trong năm 2018 đã giảm 5</p>	<p>- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp thuộc bộ;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tài chính (do Bộ Tài chính cung cấp).</p>



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ % là <math>(05/120) \times 100\% = 4.167\%</math> so với năm 2015 (&lt;10%). Đối chiếu với thang điểm đánh giá thì điểm cho Bộ A ở TCTP này được tính theo công thức nêu trên, kết quả như sau:</p> $\left[ \frac{4.167\% \times 1.00}{10\%} \right] = 0.4167 \text{ điểm}$	
55.	TCTP 7.1.1 - Triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử của bộ	<p>- Yêu cầu: Ban hành Kiến trúc chính phủ điện tử cấp bộ và tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông.</p> <p>- Nếu đã ban hành Kiến trúc và tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật theo quy định thì điểm đánh giá là 1; nếu đã chưa ban hành Kiến trúc hoặc đã ban hành nhưng không tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Báo cáo kết quả UDCNTT của bộ;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông (do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp).</p>
56.	TCTP 7.1.2 - Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc bộ dưới dạng điện tử	<p>- Yêu cầu:</p> <p>+ Thống kê tổng số văn bản đi được trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc bộ (trừ văn bản mật) trong năm đánh giá (gọi tắt là VĂN BẢN ĐI).</p> <p>+ Thống kê tổng số văn bản đi của các cơ quan, đơn vị được gửi dưới dạng văn bản điện tử, tính cả văn bản được gửi song song với bản giấy (gọi tắt là VĂN BẢN ĐIỆN TỬ).</p> <p>- Tính tỷ lệ % giữa tổng số VĂN BẢN ĐIỆN TỬ so với tổng số VĂN BẢN ĐI. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>+ Từ 90% trở lên thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>+ Từ 60% - dưới 90% số văn bản thì điểm đánh giá được tính theo công thức <math>\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số văn bản} \times 1.00}{90\%} \right]</math></p> <p>+ Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Báo cáo kết quả UDCNTT của bộ;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông (do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp).</p>
57.	TCTP 7.1.3 - Tỷ lệ Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc bộ sử dụng phần mềm	<p>- Yêu cầu: Thống kê tổng số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có sử dụng thường xuyên (hàng tuần) phần mềm quản lý văn bản và điều hành trong xử lý công việc.</p> <p>- Tính tỷ lệ % giữa số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có sử dụng phần mềm</p>	<p>- Báo cáo kết quả UDCNTT của bộ;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền</p>



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	quản lý văn bản và điều hành trong xử lý công việc	quản lý văn bản và điều hành đáp ứng yêu cầu nêu trên so với tổng số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc bộ. Nếu tỷ lệ này đạt: + 100% thì điểm đánh giá là 1; + Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.5; + Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.	thông (do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp).
58.	TCTP 7.1.4 - Xây dựng Cổng dịch vụ công	- Yêu cầu: Các chức năng, tính năng kỹ thuật của Cổng dịch vụ công phải đáp ứng yêu cầu tại Quyết định số 1697/QĐ-BTTTT ngày 23/10/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông. - Nếu đã xây dựng Cổng dịch vụ công VÀ đáp ứng đầy đủ các chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định thì điểm đánh giá là 1; - Nếu đã xây dựng Cổng dịch vụ công NHƯNG chưa đáp ứng đầy đủ các chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định thì điểm đánh giá là 0.5; - Nếu chưa xây dựng Cổng dịch vụ công thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo kết quả UDCNTT của bộ; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông (do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp).
59.	TCTP 7.2.1 - Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	- Yêu cầu: Thống kê tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, trong số đó, thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến trong năm đánh giá. - Tính tỷ lệ % giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến so với tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4. Nếu tỷ lệ này đạt: + Từ 60% trở lên thì điểm đánh giá là 0.5; + Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0. Ví dụ: Trong năm Bộ A có 20 TTHC đang thực hiện cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong năm đánh giá, chỉ 12 TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến, đạt tỷ lệ $(12/20) * 100\% = 60\%$ . Như vậy, đối chiếu với thang điểm đánh giá thì Bộ A đạt 0.5 điểm.	- Báo cáo kết quả UDCNTT của bộ; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông (do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp).
60.	TCTP 7.2.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	- Phạm vi đánh giá: Các TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ. Trường hợp bộ có triển khai phần mềm trực tuyến đến các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thì chỉ thống kê hồ sơ của các TTHC thuộc thẩm	- Báo cáo kết quả UDCNTT của bộ; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>quyền giải quyết của bộ. Các hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận và giải quyết thông qua phần mềm của bộ sẽ được tính điểm cho cấp tỉnh.</p> <p>Ví dụ: Thủ tục Cấp phép lái xe thuộc thẩm quyền giải quyết của cả cấp bộ (Tổng cục Đường bộ Việt Nam) và cấp tỉnh (Sở Giao thông vận tải); đồng thời được cung cấp trực tuyến thông qua phần mềm do Bộ Giao thông vận tải xây dựng và triển khai. Do vậy, đối với TTHC này, chỉ những hồ sơ do Tổng cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận và giải quyết mới được thống kê, tính điểm cho Bộ Giao thông vận tải.</p> <p>- Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thống kê tổng số hồ sơ <b>đã tiếp nhận</b> (cả trực tuyến và truyền thống) của các TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3.</li> <li>+ Thống kê số hồ sơ <b>đã tiếp nhận trực tuyến</b> của các TTHC nêu trên.</li> </ul> <p>- Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và truyền thống). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Từ 40% trở lên thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>+ Từ 20% - dưới 40% thì điểm đánh giá được tính theo công thức <math display="block">\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00}{40\%} \right]</math></li> <li>+ Dưới 20% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul> <p><b>Ví dụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bộ Xây dựng, trong năm 2018 có 50 TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3. Trong đó, chỉ có 20 TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến. Trong số 20 TTHC này, trong năm, đã tiếp nhận tổng số 545 hồ sơ TTHC bằng cả hình thức trực tuyến và truyền thống, trong đó, có 190 hồ sơ TTHC được tiếp nhận bằng hình thức trực tuyến. Như vậy, tỷ lệ % hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến của 20 TTHC nêu trên là <math>(190/545 \times 100\%) = 34.86\%</math>.</li> <li>+ Vì tỷ lệ này đạt ở khoảng từ 20% - dưới 40% nên điểm đánh giá được</li> </ul>	<p>thông (do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp).</p>



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>tính theo công thức <math>(34.86\% * 1.00)/40\% = 0.8715</math> điểm            Như vậy, đối với TCTP này, Bộ Xây dựng đạt 0.8715 điểm.</p>	
61.	TCTP 7.2.3 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	<p>- Phạm vi đánh giá: Các TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ.            Trường hợp bộ có triển khai phần mềm trực tuyến đến các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thì chỉ thống kê hồ sơ của các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ. Các hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận và giải quyết thông qua phần mềm của bộ sẽ được tính điểm cho cấp tỉnh.</p> <p>- Yêu cầu:</p> <p>+ Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận (cả trực tuyến và truyền thống) của các TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 4.            + Thống kê số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến của các TTHC nêu trên.</p> <p>- Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và truyền thống). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>+ Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 1;            + Từ 10% - dưới 30% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức <math>\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00}{30\%} \right]</math>            + Dưới 10% thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>- Ví dụ:</p> <p>+ Bộ Tư pháp, trong năm 2018 có 10 TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4. Trong đó, chỉ có 03 TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến. Trong số 03 TTHC này, trong năm, đã tiếp nhận tổng số 250 hồ sơ TTHC bằng cả hình thức trực tuyến và truyền thống, trong đó, có 89 hồ sơ TTHC được tiếp nhận bằng hình thức trực tuyến. Như vậy, tỷ lệ % hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến của 03 TTHC nêu trên là <math>(89/250 * 100\%) = 35.60\%</math>. Vì tỷ lệ này lớn hơn 30% nên điểm đánh giá là 1. Như vậy, đối với TCTP này, Bộ Tư pháp đạt 1 điểm.</p>	<p>- Báo cáo kết quả UDCNTT của bộ;            - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông (do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp).</p>



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu
62.	TCTP 7.3.1 - Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Thống kê danh mục TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI, trong số đó, thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ đã sử dụng dịch vụ BCCI.</li> <li>- Tính tỷ lệ % giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI (tiếp nhận hoặc trả kết quả hoặc cả hai) so với tổng số TTHC đang triển khai thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI. Nếu tỷ lệ này đạt: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Từ 50% trở lên thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>+ Dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kế hoạch</li> <li>- Quyết định TTg;</li> <li>- Tài liệu kiểm tra (nếu có);</li> <li>- Kết quả theo dõi của Bộ Thông tin và Truyền thông</li> </ul>
63.	TCTP 7.3.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thống kê số TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ.</li> <li>+ Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả tiếp nhận qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác) của các TTHC nêu trên.</li> <li>+ Thống kê số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên.</li> </ul> </li> <li>- Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC nêu trên. Nếu tỷ lệ này đạt: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>+ Từ 10% - dưới 15% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>+ Dưới 10% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kế hoạch</li> <li>- Quyết định TTg;</li> <li>- Tài liệu kiểm tra (nếu có);</li> <li>- Kết quả theo dõi của Bộ Thông tin và Truyền thông</li> </ul>
64.	TCTP 7.3.3 - Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thống kê số TTHC đã triển khai thực hiện trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ.</li> <li>+ Thống kê tổng số hồ sơ TTHC trong năm đã được trả kết quả giải quyết của các TTHC nêu trên (bao gồm trả qua dịch vụ BCCI và trả qua hình thức khác).</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kế hoạch</li> <li>- Quyết định TTg;</li> <li>- Tài liệu kiểm tra (nếu có);</li> <li>- Kết quả theo dõi</li> </ul>



STT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thống kê số hồ sơ đã được trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên.</li> <li>- Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã được trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã trả kết quả giải quyết trong năm của các TTHC nêu trên. Nếu tỷ lệ này đạt:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>+ Từ 10% - dưới 15% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.25;</li> <li>+ Dưới 10% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul> </li> </ul>	của Bộ Thông tin và Truyền thông (do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp).
65.	TCTP 7.4.1 - Công bố ISO 9001 tại cơ quan bộ	Nếu đã công bố Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 hoặc 9001:2015 để áp dụng tại cơ quan bộ (các vụ, Văn phòng bộ và Thanh tra bộ) thì điểm đánh giá là 0.5; chưa công bố thì điểm đánh giá là 0.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định công bố ISO;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Khoa học và Công nghệ.</li> </ul>
66.	TCTP 7.4.2 - Tỷ lệ cơ quan hành chính thuộc bộ (cục, tổng cục và tương đương) đã công bố ISO 9001 tại đơn vị	<p>Tính tỷ lệ % giữa số cơ quan đã công bố Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 hoặc 9001:2015 so với tổng số cơ quan hành chính thuộc bộ (cục, tổng cục và tương đương). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>- Từ 90% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>- Dưới 90% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các quyết định công bố ISO hoặc Báo cáo kết quả thực hiện ISO của bộ;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Khoa học và Công nghệ.</li> </ul>
67.	TCTP 7.4.3 - Tỷ lệ cơ quan thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Các cơ quan đã công bố ISO phải tổ chức thực hiện, duy trì và cải tiến quy trình ISO theo đúng quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.</li> <li>- Tính tỷ lệ % giữa số cơ quan thực hiện đúng quy trình ISO so với tổng số cơ quan đã công bố ISO. Nếu tỷ lệ này đạt:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 100% thì điểm đánh giá là 1;</li> <li>+ Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.5;</li> <li>+ Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện ISO của bộ;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Khoa học và Công nghệ (do Bộ Khoa học và Công nghệ cung cấp).</li> </ul>





**Phụ lục 2**

**MẪU BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
 (Kèm theo Công văn số **313** /BNV-CCHC ngày **21** /01/2019 của Bộ Nội vụ)

**BỘ/CƠ QUAN NGANG BỘ...**

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM... CỦA BỘ/CƠ QUAN NGANG BỘ...**

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, kí hiệu, ngày ban hành văn bản)
<b>1</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC</b>		
<b>1.1</b>	<b>Kế hoạch CCHC năm</b>		
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC		
1.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC		
<b>1.2</b>	<b>Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ</b>		
<b>1.3</b>	<b>Công tác kiểm tra CCHC</b>		
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc bộ ( <i>Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương</i> ) được kiểm tra trong năm		
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra		
<b>1.4</b>	<b>Công tác tuyên truyền CCHC</b>		
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC		
1.4.2	Thực hiện các hình thức tuyên truyền CCHC		
<b>1.5</b>	<b>Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính</b>		
<b>2</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THỂ CHẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ</b>		
<b>2.1</b>	<b>Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) trong năm theo chương trình xây dựng pháp luật đã được phê duyệt</b>		
<b>2.2</b>	<b>Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)</b>		
2.2.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL		
2.2.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật		
<b>2.3</b>	<b>Xử lý VBQPPL sau rà soát</b>		
<b>2.4</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>		
2.4.1	Thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền		





STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, kí hiệu, ngày ban hành văn bản)
2.4.2	Xử lý văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra		
<b>2.5</b>	<b><i>Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ</i></b>		
2.5.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra		
2.5.2	Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra		
<b>2.6</b>	<b><i>Trả lời kiến nghị của cá nhân, tổ chức để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến thể chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý của bộ</i></b>		
<b>3</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>		
<b>3.1</b>	<b><i>Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)</i></b>		
3.1.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền		
3.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính		
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát		
<b>3.2</b>	<b><i>Công bố, công khai thủ tục hành chính và kết quả giải quyết hồ sơ</i></b>		
3.2.1	Công bố TTHC theo quy định của Chính phủ		
3.2.2	Nhập, đăng tải TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố		
3.2.3	Công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ		
<b>3.3</b>	<b><i>Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC</i></b>		
3.3.1	Tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định		
3.3.2	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC		
<b>3.4</b>	<b><i>Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ</i></b>		
3.4.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ		
3.4.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ		
<b>4</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH</b>		
<b>4.1</b>	<b><i>Thực hiện quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy</i></b>		



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, kí hiệu, ngày ban hành văn bản)
4.1.1	Sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các đơn vị thuộc bộ		
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các đơn vị thuộc bộ		
<b>4.2</b>	<b><i>Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao</i></b>		
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính		
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ		
4.2.3	Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015		
<b>4.3</b>	<b><i>Thực hiện phân cấp quản lý</i></b>		
4.3.1	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ đã phân cấp cho địa phương		
4.3.2	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra		
<b>5</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC</b>		
<b>5.1</b>	<b><i>Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm</i></b>		
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của bộ bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt		
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc bộ bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt		
<b>5.2</b>	<b><i>Tuyển dụng công chức, viên chức</i></b>		
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại các cơ quan, đơn vị thuộc bộ ( <i>Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương</i> )		
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ		
<b>5.3</b>	<b><i>Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của bộ</i></b>		
5.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức		
5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức		
<b>5.4</b>	<b><i>Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các đơn vị thuộc bộ</i></b>		





STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, kí hiệu, ngày ban hành văn bản)
<b>5.5</b>	<b><i>Đánh giá, phân loại công chức, viên chức</i></b>		
5.5.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định		
5.5.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức		
<b>5.6</b>	<b><i>Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức</i></b>		
<b>6</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>		
<b>6.1</b>	<b><i>Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách</i></b>		
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm		
6.1.2	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách		
6.1.3	Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại bộ		
<b>6.2</b>	<b><i>Công tác quản lý, sử dụng tài sản công</i></b>		
6.2.1	Ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công		
6.2.2	Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của Chính phủ		
6.2.3	Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ		
6.2.4	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công		
<b>6.3</b>	<b><i>Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thuộc bộ</i></b>		
6.3.1	Số đơn vị SNCL tăng mức độ tự chủ kinh phí chi thường xuyên trong năm		
6.3.2	Thực hiện quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các đơn vị SNCL		
6.3.3	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015		
<b>7</b>	<b>HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH</b>		
<b>7.1</b>	<b><i>Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của bộ</i></b>		



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, kí hiệu, ngày ban hành văn bản)
7.1.1	Triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử của bộ		
7.1.2	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc bộ dưới dạng điện tử		
7.1.3	Tỷ lệ Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc bộ sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành trong xử lý công việc		
7.1.4	Xây dựng Cổng dịch vụ công		
<b>7.2</b>	<b><i>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</i></b>		
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm		
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3		
7.2.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4		
<b>7.3</b>	<b><i>Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)</i></b>		
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI		
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI		
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI		
<b>7.4</b>	<b><i>Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định</i></b>		
7.4.1	Công bố ISO 9001 tại cơ quan bộ		
7.4.2	Tỷ lệ cơ quan hành chính thuộc bộ ( <i>Cục, Tổng cục và tương đương</i> ) đã công bố ISO 9001 tại đơn vị		
7.4.3	Tỷ lệ cơ quan thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định		
	<b>TỔNG ĐIỂM</b>		





